

Leçon 7

Mots nouveaux

(n.f) Cửa hàng : _____

Bao nhiêu tiền : _____

(a.m) Đắt : _____

(a.f) Đắt : _____

Bao nhiêu : _____

Như thế nào : _____

(v) Giá, đáng giá : _____

(n.m) Euro : _____

(n.m) Con trai : _____

(a.m) Màu ghi : _____

(a.f) Màu ghi : _____

(a.m) Đẹp, dễ thương : _____

(a.f) Đẹp, dễ thương : _____

Gần như không : _____

(n.m) Giá tiền : _____

(n.m) Mua sắm : _____

(n.m) Trang mạng : _____

(n.f) Cỡ, size : _____

(n.m) Loại : _____

(v) Thấy, nhận thấy : _____

Rất : _____

Ghi chú :

n : danh từ

a : tính từ

v : động từ

f : giống cái

m : giống đực